

Số: /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Thông tư số 5/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV;

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1233/QĐ-TCTK ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê; Quyết định số 428/QĐ-TCTK ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4, Điều 40 Quyết định số 1233/QĐ-TCTK hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- VPĐU, VPCĐ, ĐTN Cơ quan TCTK;
- Thành viên HĐ TĐKT Ngành;
- Thành viên HĐ TĐKT Cơ quan TCTK;
- Lưu: VT, TCCB (10 bản).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng ngành Thống kê

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCTK ngày tháng 9 năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng của ngành Thống kê, bao gồm: Đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng; hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua

a) Thi đua thường xuyên bao gồm: các tập thể, công chức, viên chức và người lao động (theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp) trong ngành Thống kê.

b) Thi đua theo đợt, chuyên đề bao gồm: các tập thể, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; tập thể và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thống kê ở các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ban, ngành ở trung ương và địa phương.

2. Đối tượng khen thưởng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các cuộc Tổng điều tra thống kê (viết gọn là Tổng điều tra).

c) Tập thể, cá nhân làm công tác thống kê ở các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ban, ngành ở trung ương, địa phương, doanh nghiệp và tập thể, cá nhân khác có nhiều thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Thống kê Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục: Bao gồm các Vụ, Văn phòng Tổng cục được quy định tại các điểm từ a đến o khoản 1 Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg.

2. Đơn vị thuộc Tổng cục: Bao gồm các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê và các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục.

3. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là Cục Thống kê): Bao gồm 63 Cục Thống kê được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 3 Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg.

4. Các đơn vị thuộc Tổng cục chia thành 4 Khối thi đua (Phụ lục 1).

5. Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chia thành 10 Khối thi đua (Phụ lục 2).

Điều 4. Đơn vị cơ sở, tập thể nhỏ

1. Đơn vị cơ sở

a) Đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục.

b) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

c) Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục: Viện Khoa học Thống kê, Tạp chí Con số và Sự kiện, Nhà Xuất bản Thống kê, Trường Cao đẳng Thống kê, Trường Cao đẳng Thống kê II.

d) Cục Thống kê.

2. Tập thể nhỏ

a) Các phòng thuộc Văn phòng Tổng cục.

b) Các phòng, trung tâm thuộc Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

c) Các phòng, ban, khoa, trung tâm thuộc các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê;

d) Các ban, tổ,... có quyết định thành lập của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

đ) Cục Thống kê

- Các phòng thuộc cơ quan Cục Thống kê.

- Các Chi cục Thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chi cục Thống kê khu vực (viết gọn là Chi cục Thống kê).

3. Quy định đơn vị cơ sở và tập thể nhỏ trong Quy chế này chỉ để phục vụ công tác thi đua, khen thưởng, không áp dụng cho mục đích khác.

Điều 5. Mục tiêu thi đua, khen thưởng

Nhằm tạo động lực, động viên, khuyến khích và tôn vinh các tập thể, cá nhân hăng hái thi đua lao động sáng tạo, vượt khó vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Thống kê.

Điều 6. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.
- b) Xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả phong trào thi đua.
- c) Tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua phải đăng ký thi đua, xác định mục tiêu và nội dung thi đua cụ thể; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.
- b) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức, mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng hình thức, mức hạng đó, không đề nghị khen thưởng vượt mức hạng; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng.
- c) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được. Khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, học tập, công tác.
- d) Không tặng thưởng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đột xuất không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

đ) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng; trường hợp hai tập thể có cùng điều kiện, tiêu chuẩn, đồng thời có tỷ lệ nữ bằng 50% hoặc tỷ lệ nữ cao từ 51% đến dưới 70% sẽ do Hội đồng Thi đua, khen thưởng xem xét, quyết định. Đối với công chức lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo đúng quy định chung. Đề nghị khen thưởng cống hiến đối với cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi nghỉ hưu 06 tháng.

e) Trong 01 năm không đề nghị xét tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn).

g) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

h) Việc bình xét khen thưởng chỉ được tiến hành khi đã có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và người lao động của đơn vị.

Điều 7. Nguyên tắc bình xét

1. Công tác bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện khi kết thúc năm kế hoạch, khi kết thúc một cuộc vận động, một đợt thi đua theo chuyên đề, một cuộc Tổng điều tra hoặc khi phát hiện gương người tốt, việc tốt.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

3. Việc họp xét khen thưởng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tham dự. Việc bình xét được thực hiện bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Chủ tịch Hội đồng thực hiện biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín như các thành viên khác. Bình xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” bắt buộc thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Đối với các danh hiệu thi đua: “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng. Đơn vị thường trực Hội đồng lấy ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Đối với các hình thức khen thưởng: căn cứ kết quả bình xét tại Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng xem xét, quyết định.

Điều 8. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Quyết định số 1721/QĐ-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế xét sáng kiến và quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng sáng kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định số 513/QĐ-TCTK ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Quy chế sáng kiến và hoạt động của Hội đồng sáng kiến Tổng cục Thống kê.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Riêng đề tài khoa học cấp tỉnh làm căn cứ đề nghị xét khen thưởng do Hội đồng sáng kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp bộ thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”; phạm vi toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo quy định.

Điều 9. Hội đồng thi đua, khen thưởng

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng ngành Thống kê (viết gọn là Hội đồng TĐKT Ngành)

a) Được thành lập để tham mưu giúp Tổng cục trưởng về công tác thi đua, khen thưởng của toàn ngành Thống kê.

b) Thành phần: Căn cứ vào tình hình thực tế để quy định số lượng và thành phần Hội đồng TĐKT Ngành, trong đó Chủ tịch Hội đồng là Tổng cục trưởng; Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Tổng cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng TĐKT cơ quan Tổng cục; và các Ủy viên do Tổng cục trưởng quyết định.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tham mưu giúp Tổng cục trưởng phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu giúp Tổng cục trưởng việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen

thưởng của Ngành; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

- Tham mưu giúp Tổng cục trưởng kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu giúp Tổng cục trưởng quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ quan Tổng cục (viết gọn là Hội đồng TĐKT cơ quan)

a) Được thành lập để tham mưu giúp Tổng cục trưởng về công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục.

b) Thành phần: Căn cứ vào tình hình thực tế để quy định số lượng và thành phần Hội đồng TĐKT cơ quan, trong đó Chủ tịch Hội đồng là Phó Tổng cục trưởng; Phó Chủ tịch và các Ủy viên do Tổng cục trưởng quyết định.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tham mưu giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn tại cơ quan Tổng cục;

- Tham mưu tổ chức kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong cơ quan Tổng cục Thống kê;

- Tham mưu giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ sở (viết gọn là Hội đồng TĐKT cơ sở)

a) Được thành lập để tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị theo thẩm quyền (không bao gồm các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục).

b) Thành phần: Căn cứ vào tình hình thực tế để quy định số lượng và thành phần Hội đồng TĐKT cơ sở, trong đó Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị; Phó Chủ tịch và các Ủy viên do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen

thường; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

- Tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu giúp Thủ trưởng đơn vị quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Hội đồng TĐKT Ngành, Hội đồng TĐKT cơ quan, Hội đồng TĐKT cơ sở hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 10. Hình thức tổ chức thi đua và phát động phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cá nhân, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại đơn vị hoặc theo Khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các Khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

b) Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của đơn vị. Chỉ phát động phong trào thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

2. Phát động phong trào thi đua

- Tổng cục trưởng tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong toàn Ngành.

- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục phát động, tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị mình quản lý.

- Các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ với Hội đồng TĐKT trong quá trình tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua ở các đơn vị, đảm bảo cho phong trào thi đua đạt hiệu quả cao.

3. Trước khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi toàn Ngành, đơn vị được giao chủ trì phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua.

Khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), căn cứ kết quả phong trào thi đua, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu để đề nghị khen thưởng cấp Bộ, hoặc đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, hoặc đề nghị tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba cho tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào thi đua từ 05 năm trở lên.

Điều 11. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động công chức, viên chức và người lao động tham gia. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểu, hướng dẫn, kiểm tra đối với phong trào thi đua có thời gian dài; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

Điều 12. Đăng ký danh hiệu thi đua, ký giao ước thi đua

1. Căn cứ vào nội dung phong trào thi đua hàng năm do Chủ tịch Hội đồng TĐKT Ngành phát động, các đơn vị trong toàn Ngành tổ chức cho tập thể, cá nhân đăng ký thi đua quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

2. Đối với các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), đơn vị chủ trì chủ động xây dựng kế hoạch và đăng ký cụ thể số lượng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp bộ, cấp Nhà nước gửi về Vụ Tổ chức cán bộ trước

khi phát động các phong trào thi đua để tổng hợp, trình Lãnh đạo Tổng cục báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Tổng cục Thống kê tổ chức thi đua thường xuyên hàng năm, chia Khối thi đua các đơn vị thuộc Tổng cục và Khối thi đua các Cục Thống kê để ký kết giao ước thi đua.

Điều 13. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, gồm:

- a) Lao động tiên tiến;
- b) Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- c) Chiến sĩ thi đua cấp bộ;
- d) Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể, gồm:

- a) Tập thể Lao động tiên tiến;
- b) Tập thể Lao động xuất sắc;
- c) Cờ thi đua cấp bộ;
- d) Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 14. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê và của đơn vị, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Đối với cá nhân chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét khen thưởng (nếu có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 6 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị cũ). Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét khen thưởng do đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được

tính vào thời gian công tác tại đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có báo cáo của cá nhân và kết quả học tập để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Điều kiện bổ sung: Đối với Thủ trưởng các đơn vị, ngoài những tiêu chuẩn trên, đơn vị phải đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 15. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại đơn vị.

2. Điều kiện bổ sung

a) Đối với Lãnh đạo Tổng cục: Năm đề nghị khen thưởng phải có từ 80% trở lên số các đơn vị được phân công phụ trách đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

b) Đối với Lãnh đạo Cục Thống kê: Năm đề nghị khen thưởng phải có từ 60% trở lên số tập thể nhỏ được phân công phụ trách đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

Ngoài ra, đối với Cục trưởng Cục Thống kê, năm đề nghị khen thưởng đơn vị phải đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và do Hội đồng TĐKT Ngành bình xét.

c) Đối với Thủ trưởng các Vụ, Văn phòng Tổng cục, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục: Năm đề nghị khen thưởng đơn vị phải đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và do Hội đồng TĐKT Ngành bình xét.

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của các đơn vị cơ sở (bao gồm cả Lãnh đạo đơn vị) tối đa không vượt quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị, nếu số dư quá bán được bầu thêm 01 cá nhân.

Điều 16. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp tỉnh đã được công nhận, áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, trong Ngành.

Thời gian có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ” được tính trong 03 năm, năm đề nghị khen thưởng và 02 năm liền kề trước đó.

Điều 17. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”.

2. Sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc, đã được Bộ trưởng công nhận.

Thời gian có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được tính trong 06 năm, năm đề nghị khen thưởng và 05 năm liền kề trước đó.

Điều 18. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên mới được bình xét danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

Điều 19. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

2. Điều kiện bổ sung đối với đơn vị cơ sở

a) Đối với các đơn vị thuộc Tổng cục: Đơn vị xếp thứ từ 1 đến 18 của Khối thi đua các đơn vị thuộc Tổng cục hoặc đơn vị xếp thứ từ 1 đến 4 của mỗi Khối.

b) Đối với Cục Thống kê: Cục Thống kê xếp thứ từ 1 đến 53 (riêng Khối III, IV, VII và IX xếp thứ từ 1 đến 57) của Khối thi đua các Cục Thống kê, hoặc:

- Xếp thứ từ 1 đến 4 đối với tỉnh thuộc Khối I và VII;
- Xếp thứ từ 1 đến 5 đối với tỉnh thuộc Khối V, VI, VIII, IX và X;
- Xếp thứ từ 1 đến 6 đối với tỉnh thuộc Khối IV;
- Xếp thứ từ 1 đến 7 đối với tỉnh thuộc Khối II và III.

c) Các trường hợp khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê xem xét, quyết định.

Điều 20. Danh hiệu “Cờ thi đua cấp bộ”

1. Thi đua thường xuyên: Danh hiệu “Cờ thi đua cấp bộ” được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, dẫn đầu Khối thi đua và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp bộ;
- b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong ngành học tập;
- c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Điều kiện bổ sung

Các tập thể được đề nghị xét Cờ sẽ do Hội đồng TĐKT Ngành lựa chọn, bình xét trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện các mặt công tác cùng với kết quả chấm điểm thi đua theo các Khối thi đua, cụ thể:

- a) Đơn vị xếp thứ 1 hoặc thứ 2 của mỗi Khối;
- b) Lập được nhiều thành tích đột xuất trong năm được Hội đồng TĐKT Ngành bình xét và đề nghị khen thưởng.

3. Số lượng: Toàn Ngành mỗi năm đề nghị tối đa 14 Cờ, chia ra:

- a) Khối thi đua các đơn vị thuộc Tổng cục: Đề nghị tối đa 04 Cờ;
- b) Khối thi đua các Cục Thống kê: Đề nghị tối đa 10 Cờ.

4. Thi đua theo đợt (chuyên đề): Các tập thể tiêu biểu trong phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi tiến hành sơ kết, tổng kết.

Điều 21. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Thi đua thường xuyên: Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua cấp bộ” và đạt các tiêu chuẩn sau

a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Các tập thể được đề nghị xét Cờ thi đua của Chính phủ sẽ do Hội đồng TĐKT Ngành lựa chọn bình xét trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện các mặt công tác cùng với kết quả chấm điểm thi đua trong năm.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề): Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi tiến hành sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

3. Số lượng đề nghị “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua cấp bộ”.

Chương III HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, TIÊU CHUẨN CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 22. Hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị được phân cấp: Giấy khen.

2. Hình thức khen thưởng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gồm:

a) Bằng khen của Bộ trưởng;

b) Kỷ niệm chương.

3. Hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, gồm:

a) Huân chương;

b) Huy chương;

c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước;

d) Giải thưởng Hồ Chí Minh;

đ) Giải thưởng Nhà nước;

e) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 23. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng thường xuyên) là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trong Ngành phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất. Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân làm công tác thống kê ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc các bộ, ban, ngành ở trung ương và địa phương; tập thể, cá nhân trong nước và người nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp trong xây dựng và phát triển ngành Thống kê Việt Nam.

Điều 24. Giấy khen

1. Giấy khen của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp và Cục trưởng Cục Thống kê là hình thức khen thưởng đối với cá nhân và tập thể có thành tích thường xuyên và đột xuất về công tác Thống kê; có tác dụng nêu gương trong ngành Thống kê, trong các đơn vị cơ sở của Ngành.

2. Tiêu chuẩn

a) Đối với cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

b) Đối với tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích đột xuất;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

a) Khen thưởng thường xuyên cho các tập thể, cá nhân sau:

- Tập thể đơn vị thuộc Tổng cục, Cục Thống kê, phòng thuộc Văn phòng Tổng cục đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và trong năm không đủ điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thường xuyên từ cấp Bộ trở lên;

- Cá nhân thuộc các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 2 Điều này do đơn vị bình xét, đề nghị khen thưởng. Số lượng cá nhân được đề nghị khen thưởng ở các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục không vượt quá 20% tổng số cá nhân của đơn vị, nếu số dư quá bán được đề nghị thêm 01 cá nhân.

b) Khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Tổng cục; tập thể, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; tập thể, Cục trưởng Cục Thống kê; tập thể, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục; tập thể, cá nhân làm công tác thống kê ở các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ban, ngành, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác ở trung ương hoàn thành tốt công việc đột xuất được giao được cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng.

c) Khen thưởng chuyên đề cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Tổng cục; tập thể, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; tập thể, Cục trưởng Cục Thống kê; tập thể, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục; tập thể, cá nhân làm công tác thống kê ở các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ban, ngành, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác ở trung ương hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề (các cuộc Tổng điều tra, điều tra thống kê) theo công văn hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và được cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng.

4. Việc tặng thưởng Giấy khen của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp và Cục trưởng Cục Thống kê cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác trên địa bàn hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, hoặc hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề (các cuộc Tổng điều tra, điều tra thống kê), hoặc

hoàn thành tốt công việc đột xuất được giao thực hiện theo quy chế thi đua, khen thưởng của đơn vị.

Điều 25. Bằng khen của Bộ trưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 07/2018/TT-BKHĐT, cụ thể:

1. Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua của ngành Kế hoạch và Đầu tư;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thống kê;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở;

d) Có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Thống kê; đối với cá nhân trước khi nghỉ hưu luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng chưa từng được tặng Bằng khen cấp bộ trong suốt quá trình công tác.

2. Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực Thống kê;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Bằng khen của Bộ trưởng để tặng cho tập thể, cá nhân trong ngành Thống kê; cá nhân, tập thể thuộc các bộ, ngành và địa phương có nhiều thành tích trong việc phối hợp, hợp tác xây dựng và phát triển ngành Thống kê, được đề nghị xét tặng nhân dịp tổng kết công tác thống kê bộ, ngành hoặc kỷ niệm ngày thành lập ngành Thống kê vào các năm tròn (là năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “5”), năm chẵn (là năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “0”).

4. Số lượng

a) Khen thưởng thường xuyên: Đơn vị căn cứ vào các tiêu chuẩn quy định đề đề nghị.

b) Khen thưởng trong các cuộc Tổng điều tra, Điều tra thống kê: Tiêu chuẩn và số lượng cụ thể do Ban Chỉ đạo Tổng điều tra hoặc đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch trước khi tiến hành cuộc Tổng điều tra, điều tra thống kê.

c) Khen thưởng cho Hội nghị tổng kết công tác thống kê bộ, ngành, tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam hoặc Kỷ niệm ngày thành lập Ngành sẽ có hướng dẫn cụ thể trước khi tiến hành Hội nghị.

Điều 26. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể:

1. Đối với cá nhân: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng TĐKT trung ương hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen của Bộ trưởng và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Đối với tập thể: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng TĐKT trung ương hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen của Bộ trưởng và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen của Bộ trưởng.

Điều 27. Huân chương các loại

Thực hiện theo quy định tại các điều, từ Điều 14 đến Điều 33 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 28. Kỷ niệm chương

1. Tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam” thực hiện theo Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Thông tư số 07/2018/TT-BKHĐT.

2. Tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam” thực hiện theo Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam” ban

hành kèm theo Quyết định số 768/QĐ-BKHĐT ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 29. Quy định chung về khen thưởng quá trình công hiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 30. Quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình công hiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương IV

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG;
THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

Điều 31. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định tại các Điều 77, 78 Luật thi đua, khen thưởng.

2. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 07/2018/TT-BKHĐT và tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam” theo quy định tại Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam”.

3. Tổng cục trưởng quyết định tặng thưởng:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các đồng chí Phó Tổng cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trưởng các Cục Thống kê và cá nhân thuộc cơ quan Tổng cục;

b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thuộc cơ quan Tổng cục;

c) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” cho các đơn vị cơ sở, tập thể nhỏ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2, Điều 4 của Quy chế này;

d) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho các đơn vị cơ sở, tập thể nhỏ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Quy chế này;

đ) Giấy khen cho các tập thể, cá nhân.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê quyết định tặng thưởng:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến” cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Giấy khen cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị.

Điều 32. Mẫu bằng, khung của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Mẫu Giấy khen, Bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được thực hiện theo Điều 31 Nghị định 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu Huân chương, Huy chương, Huy hiệu, Kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

2. Khung của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được thực hiện theo khoản 2, Điều 38 Nghị định 85/2014/NĐ-CP.

Điều 33. Lễ trao tặng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

2. Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với Văn phòng Tổng cục tổ chức công bố, trao thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại Hội nghị triển khai kế hoạch công tác hàng năm của ngành Thống kê đối với đối tượng được khen thưởng là thành phần tham dự Hội nghị. Trường hợp các đơn vị có nhu cầu tổ chức đón nhận tại đơn vị thì Thủ trưởng đơn vị chủ động đề xuất xin ý kiến Lãnh đạo Tổng cục, sau đó phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ để tổ chức trao tặng theo đúng nghi thức quy định.

3. Việc công bố và trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để tôn vinh gương người tốt, việc tốt, nhân rộng những điển hình tiên tiến và được tổ chức trang trọng, thiết thực, tránh phô trương hình thức, lãng phí. Khi tổ chức nên kết hợp cùng các nội dung khác của đơn vị để tiết kiệm thời gian và chi phí.

Điều 34. Quy định chung về thủ tục trình khen thưởng

1. Nguyên tắc trình khen thưởng

a) Cấp nào quản lý về tổ chức, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình thì cấp đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

2. Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, tập thể nhỏ chịu trách nhiệm về quy trình, thủ tục, nội dung và tính chính xác của hồ sơ trước khi trình Hội đồng TĐKT Ngành.

3. Việc lấy ý kiến hiệp y khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và lấy ý kiến của các cơ quan chức năng có liên quan do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thực hiện;

Tập thể đơn vị và cá nhân là Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp, Cục trưởng Cục Thống kê phải lấy ý kiến hiệp y của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi đơn vị đóng trụ sở) những nội dung sau:

a) Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể;

b) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho người lao động.

4. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen cấp bộ, Chiến sĩ thi đua cấp bộ và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

Điều 35. Thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng thường xuyên

a) Hàng năm, sau khi nhận được thông báo kết quả thực hiện kế hoạch công tác, chấm điểm thi đua và hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của Tổng cục, các đơn vị tiến hành bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo đúng quy định, khen thưởng theo thẩm quyền và lập danh sách đề nghị khen thưởng trình Hội đồng TĐKT các cấp xét khen thưởng (Mẫu số 4a hoặc 4b - Phụ lục 3).

b) Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị và Hội đồng TĐKT cơ sở trong ngành Thống kê.

c) Hội đồng TĐKT cơ quan, Hội đồng TĐKT Ngành xét, đề nghị Tổng cục trưởng tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Đối với khen thưởng theo đợt (chuyên đề)

a) Sau khi nhận được văn bản hướng dẫn khen thưởng của Tổng cục Thống kê hoặc cơ quan có thẩm quyền, các đơn vị tiến hành bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo đúng quy định và lập danh sách đề nghị khen thưởng trình Hội đồng TĐKT các cấp xét khen thưởng (Mẫu số 4a hoặc 4b - Phụ lục 3).

b) Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị và Hội đồng TĐKT cơ sở trong ngành Thống kê.

c) Hội đồng TĐKT Ngành xét, đề nghị Tổng cục trưởng tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 36. Hồ sơ và thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1.1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thường xuyên

a) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng các đơn vị: giao Thủ trưởng các đơn vị căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Thông tư số 12/2019/TT-BNV và Quy chế này để cụ thể hoá thực hiện trong đơn vị mình.

b) Đối với các đơn vị thuộc Tổng cục và các Cục Thống kê:

- Bản Đăng ký thi đua (Mẫu số 1 - Phụ lục 3 - 01 bản).

- Trích Biên bản họp (Mẫu số 2 - Phụ lục 3 - 01 bản).

- Tờ trình về việc đề nghị khen thưởng (Mẫu số 3 - Phụ lục 3 - 01 bản).

- Đối với các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục gửi Danh sách đề nghị xét khen thưởng (Mẫu số 4a - Phụ lục 3 - 01 bản).

- Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê và các Cục Thống kê gửi Danh sách đề nghị xét khen thưởng (Mẫu số 4b - Phụ lục 3 - 01 bản).

- Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; Quyết định công nhận tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; Quyết định khen thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (02 bản).

- Số lượng báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng của tập thể (Mẫu số 5 - Phụ lục 3) và cá nhân (Mẫu số 6 - Phụ lục 3), gồm:

+ Khen thưởng cấp đơn vị và Tổng cục (“Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động xuất sắc”): 01 bản;

+ Khen thưởng cấp bộ (“Cờ thi đua cấp bộ”, “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”, “Bằng khen cấp bộ”): 02 bản;

+ Khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ (“Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”): 04 bản;

+ Khen thưởng của Chủ tịch nước (Huân chương các loại): 05 bản.

1.2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng công hiến

- Trích Biên bản họp (Mẫu số 2 - Phụ lục 3 - 01 bản).

- Tờ trình về việc đề nghị khen thưởng của đơn vị kèm danh sách cá nhân được đề nghị khen thưởng (Mẫu số 3 - Phụ lục 3 - 01 bản).

- Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương các loại (Mẫu số 7 - Phụ lục 3): 05 bản.

- Thông báo nghỉ hưu, các quyết định bổ nhiệm và bổ nhiệm lại chức vụ.

1.3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất, theo đợt, chuyên đề

- Trích Biên bản họp (Mẫu số 2 - Phụ lục 3 - 01 bản).
- Tờ trình về việc đề nghị khen thưởng kèm danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (Mẫu số 3 - Phụ lục 3 - 01 bản).
- Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng cấp bộ: 02 bản, khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ: 04 bản, khen thưởng của Chủ tịch nước: 05 bản.
- + Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng đợt xuất (Mẫu số 8 - Phụ lục 3).
- + Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua, theo chuyên đề (Mẫu số 9 - Phụ lục 3).

2. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Khen thưởng thường xuyên, hồ sơ đề nghị khen thưởng có ở Tổng cục Thống kê chia 2 đợt như sau:

- Đợt 1: Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Tổng cục, cấp bộ: Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm;

- Đợt 2: Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và hình thức khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên: Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày có quyết định khen thưởng cấp Tổng cục, cấp bộ, các đơn vị hoàn thiện hồ sơ gửi về Vụ Tổ chức cán bộ.

b) Khen thưởng quá trình công hiến Huân chương các loại: khi có thông báo nghỉ chế độ;

c) Khen thưởng các cuộc Tổng điều tra và các khen thưởng khác: Sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 37. Đào tạo, kiểm tra, quản lý và lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm

a) Xây dựng kế hoạch hằng năm để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ công chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong Ngành;

b) Xây dựng kế hoạch hằng năm kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Quản lý, lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

2. Các đơn vị trong Ngành có trách nhiệm quản lý, lưu trữ toàn bộ hồ sơ của đơn vị để phục vụ công tác thi đua, khen thưởng và thanh tra, kiểm tra khi có yêu cầu.

3. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ MỨC TIỀN THƯỞNG

Điều 38. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Lập quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm và tình hình thực tế, Thủ trưởng các đơn vị dự toán chủ động quyết định việc lập Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của Tổng cục Thống kê được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của công chức, viên chức và người lao động trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp tự nguyện của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

3. Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 39. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng được quản lý, sử dụng đúng quy định của Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Hằng năm, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục và các Cục Thống kê căn cứ vào kết quả thực hiện Quỹ thi đua, khen thưởng của năm trước, các chỉ tiêu đăng ký danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và dự kiến các khoản chi phục vụ cho công tác thi đua, khen thưởng năm kế hoạch để lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự toán được phê duyệt là cơ sở để phân bổ và tổ chức thực hiện, quyết toán những công việc liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng. Vụ Kế hoạch tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trong việc lập, sử dụng quỹ và quản lý kinh phí nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng theo đúng quy định.

2. Nội dung chi công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan Tổng cục Thống kê do Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị và Văn phòng Tổng cục chi, bao gồm các khoản:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng của các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê;

b) Chi in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, khung và thuê viết): Giấy khen của Tổng cục trưởng, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, Bằng khen cấp bộ, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam”; Huy hiệu Kỷ niệm chương;

c) Chi công tác tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra

và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng: Mức trích không quá 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng.

3. Nội dung chi công tác thi đua, khen thưởng tại Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục, Cục Thống kê bao gồm các khoản:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các tập thể, cá nhân trong đơn vị được khen thưởng;

b) In Giấy khen, giấy chứng nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và khung Giấy khen, Bằng khen, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;

c) Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua khen thưởng.

4. Riêng đối với các tập thể, cá nhân của các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục, khối Văn phòng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Cục Thống kê được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng; các tập thể, cá nhân thuộc bộ, ban, ngành Trung ương và các tập thể, cá nhân khác được quyết định khen thưởng do có nhiều thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Thống kê Việt Nam: Tổng cục Thống kê phân bổ kinh phí riêng cho các đơn vị dự toán để thực hiện chi trả tiền khen thưởng trên cơ sở tổng hợp dự toán, đề xuất chi của Vụ Tổ chức cán bộ.

5. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, được nhận các hiện vật (Cờ, Huân chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo khung) còn được thưởng bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Ví dụ: Năm 2020, ông Nguyễn Văn A được công nhận là “Lao động tiên tiến”, sau đó được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, thì chỉ được nhận tiền thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

d) Trong cùng một thời điểm một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

Ví dụ: Năm 2018, 2019, 2020 ông Nguyễn Văn A được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, kết thúc năm 2020 được tặng thưởng danh hiệu

“Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, vậy ông Nguyễn Văn A được nhận tiền thưởng của danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2020 và cả tiền thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”.

đ) Trong cùng thời điểm một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Ví dụ: Năm 2020 ông Nguyễn Văn A được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Bằng khen cấp bộ”, vậy ông Nguyễn Văn A được nhận tiền thưởng của danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tiền thưởng của “Bằng khen cấp bộ”.

Điều 40. Nguyên tắc tính tiền thưởng và điều chỉnh mức tiền thưởng

1. Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

2. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

Điều 41. Mức tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với cá nhân

a) “Lao động tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở.

c) “Chiến sĩ thi đua cấp bộ” được tặng Bằng chứng nhận, huy hiệu và được thưởng 3,0 lần mức lương cơ sở.

d) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được tặng Bằng, Huy hiệu và được thưởng 4,5 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với tập thể

a) “Tập thể Lao động tiên tiến” được thưởng 0,8 lần mức lương cơ sở.

b) “Tập thể Lao động xuất sắc” được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở.

c) “Cờ thi đua cấp bộ” được tặng Cờ và được thưởng 8,0 lần mức lương cơ sở.

d) “Cờ thi đua của Chính phủ” được tặng cờ và được thưởng 12,0 lần mức lương cơ sở.

Điều 42. Mức tiền thưởng đối với các hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Mức tiền thưởng đối với cá nhân được tặng Giấy khen, Bằng khen

a) Cá nhân được tặng Giấy khen được kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

b) “Bằng khen cấp bộ” được tặng Bằng và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở.

c) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng Bằng và được thưởng 3,5 lần mức lương cơ sở.

2. Mức tiền thưởng đối với tập thể được tặng Giấy khen, Bằng khen cấp bộ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được tặng thưởng Giấy khen, Bằng kèm theo mức tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức tiền thưởng đối với cá nhân được tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại được tặng thưởng Bằng, Huân chương kèm theo mức tiền thưởng:

a) “Huân chương Lao động” hạng ba được thưởng 4,5 lần mức lương cơ sở.

b) “Huân chương Lao động” hạng nhì được thưởng 7,5 lần mức lương cơ sở.

c) “Huân chương Lao động” hạng nhất được thưởng 9,0 lần mức lương cơ sở.

d) “Huân chương Độc lập” hạng ba được thưởng 10,5 lần mức lương cơ sở.

đ) “Huân chương Độc lập” hạng nhì được thưởng 12,5 lần mức lương cơ sở.

e) “Huân chương Độc lập” hạng nhất được thưởng 15,0 lần mức lương cơ sở.

g) “Huân chương Hồ Chí Minh” được thưởng 30,5 lần mức lương cơ sở.

h) “Huân chương Sao vàng” được thưởng 46,0 lần mức lương cơ sở.

4. Mức tiền thưởng đối với tập thể được tặng thưởng Huân chương các loại, được tặng thưởng Bằng, Huân chương và kèm theo tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.

5. Mức tiền thưởng đối với danh hiệu “Anh hùng Lao động”

a) Cá nhân được tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” được tặng Bằng, Huy hiệu và được thưởng 15,5 lần mức lương cơ sở.

b) Tập thể được tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” được tặng Bằng, Huy hiệu và kèm theo tiền thưởng gấp hai lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.

6. Mức tiền thưởng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”

a) “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về khoa học và công nghệ được cấp Bằng và tiền thưởng 270,0 lần mức lương cơ sở.

b) “Giải thưởng Nhà nước” về khoa học và công nghệ được cấp Bằng và tiền thưởng 170,0 lần mức lương cơ sở.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 43. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

1. Tổng cục trưởng chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng ngành Thống kê; phát động, tổ chức, chỉ đạo và tổng kết phong trào thi đua trong phạm vi toàn Ngành.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng TĐKT Ngành, chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, nhân rộng phong trào thi đua trong phạm vi quản lý và chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích để xét tặng hoặc đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

3. Các tổ chức đoàn thể thuộc cơ quan Tổng cục, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Cục Thống kê trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các đơn vị để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến; tuyên truyền, động viên công chức, viên chức và người lao động tham gia các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

b) Giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các văn bản hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng và Quy chế này.

4. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, đoàn thể có liên quan tham mưu, đề xuất với Tổng cục trưởng và Hội đồng TĐKT Ngành trong việc phát động, tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, duy trì sơ kết và tổng kết các phong trào thi đua trong toàn Ngành;

b) Tham mưu, giúp Hội đồng TĐKT Ngành về công tác thi đua, khen thưởng thường xuyên, khen thưởng chuyên đề, khen thưởng đột xuất và khen thưởng quá trình công hiến;

c) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thi đua và đề nghị khen thưởng, thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách đề nghị khen thưởng, trình Hội đồng TĐKT Ngành xem xét, quyết định và đề nghị Hội đồng TĐKT Bộ Kế hoạch và Đầu tư xét, quyết định hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Vụ Pháp chế Thanh tra thống kê

Tham mưu, đề xuất với Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

6. Các đơn vị thông tin, truyền thông (Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê, Tạp chí Con số và Sự kiện và các đơn vị có trang thông tin điện tử,...) của ngành Thống kê có trách nhiệm tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng, cổ động phong trào thi đua, phát hiện gương người tốt việc tốt, các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua để nêu gương và nhân rộng điển hình tiên tiến; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Quyền của tập thể, cá nhân

a) Được tham gia các phong trào thi đua do Tổng cục Thống kê, đơn vị phát động;

b) Được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật;

c) Được nhận Quyết định khen thưởng, tiền thưởng, hiện vật; cấp giấy khen, bằng khen, giấy chứng nhận theo quy định. Hàng năm, cá nhân được khen thưởng được xem xét nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định; được ưu tiên cử đi nghiên cứu học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước.

2. Nghĩa vụ của tập thể, cá nhân

a) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định trong công tác thi đua, khen thưởng;

b) Tập thể, cá nhân được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

c) Từ chối nhận danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích;

d) Có trách nhiệm phát hiện cá nhân có thành tích đột xuất, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến để đề xuất khen thưởng kịp thời hoặc tố cáo những tập thể, cá nhân có hành vi gian dối, vi phạm các quy định về thi đua, khen thưởng;

đ) Tập thể, cá nhân được công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm phát huy thành tích đã đạt được, tiếp tục phấn đấu để đạt danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cao hơn.

Điều 45. Hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước và phục hồi danh hiệu

Thực hiện theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

**Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 46. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Tổ chức cán bộ hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong toàn Ngành thực hiện Quy chế này.

2. Các đơn vị thuộc Tổng cục, các Cục Thống kê, các tập thể nhỏ thuộc các đơn vị cơ sở căn cứ Quy chế này và Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng hiện hành của Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản liên quan để tổ chức thực hiện; đồng thời căn cứ Quy chế này để sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới Quy chế Thi đua, khen thưởng của đơn vị.

3. Khi các văn bản quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, chính sách, chế độ dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát hiện những điều chưa phù hợp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê phản ánh về Tổng cục Thống kê (qua Vụ Tổ chức cán bộ) bằng văn bản để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.